

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-2024-STT/Công Ty TNHH Nam Phương V.N/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

Địa chỉ: 124 Lê Lai, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (+84 28) 37963804

Fax: (+84 28) 37963805

E-mail: namphuongfood@vnn.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303205976

Số Giấy chứng nhận cơ sở đạt chứng nhận FSSC 22000: FSSC 682449.

Ngày cấp: 02/02/2024

Nơi cấp: Tổ chức chứng nhận của Viện Tiêu Chuẩn Anh-BSI.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **SA TẾ TÔM SIÊU NGON – BARONA**

2. Thành phần: Chiết xuất củ quả tươi (ớt tươi 30%, tỏi, riềng, hành tím), dầu nành, đường, muối i-ốt, chất ổn định (1422, 415), chất điều vị (621), tôm khô (2,3%), nước, màu tổng hợp (caramen nguyên chất), chất điều chỉnh độ acid (296, 330), màu tự nhiên (paprika oleoresin), oleoresin capsicum, chất bảo quản (202), hương liệu tự nhiên, chất chống oxy hóa (307b).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm Sa Tế Tôm Siêu Ngon – Barona được đóng hũ trong hũ nhựa PET, hũ nhựa PP hoặc hũ nhựa PE (đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm) với khối lượng tịnh: 100 g, 110 g, 200 g, 270 g, 350 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg, 6 kg hoặc theo nhu cầu kinh doanh của công ty.

Sản phẩm Sa Tế Tôm Siêu Ngon – Barona sau khi đóng hũ được đóng thành lốc quy cách 6 hũ/lốc, 10 hũ/lốc hoặc 20 hũ/lốc, sau đó đóng thùng carton với quy cách 4 lốc/thùng, 6 lốc/thùng, 12 lốc/thùng hoặc tùy vào mục đích kinh doanh của công ty.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất bởi CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

124 Lê Lai, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nhà máy: Lô C6-3HH, đường N9, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phân phối bởi: CÔNG TY TNHH INTERNATIONAL FOOD MASTER

Địa chỉ: Lô C2-3, đường D2, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.



III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn sản phẩm đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Chỉ tiêu vi sinh:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10^4
2	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	10^2
3	<i>E.coli</i>	CFU/ml	Không có
4	<i>S.aureus</i>	CFU/ml	3
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	10
6	<i>Salmonella</i>	/25ml	Không có
7	<i>V.Parahaemolyticus</i>	CFU/ml	10

- Chỉ tiêu kim loại nặng - Theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm - Nhóm nước chấm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen (As)	$\mu\text{g/kg}$	1,00
2	Cadimi (Cd)	$\mu\text{g/kg}$	1,00
3	Chì (Pb)	$\mu\text{g/kg}$	2,00
4	Thủy ngân (Hg)	$\mu\text{g/kg}$	0,05

- Chỉ tiêu độc tố vi nấm - Theo QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm - Nhóm gia vị

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	5
2	Aflatoxin B1B2G1G2	$\mu\text{g/kg}$	10
3	Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	30

- Chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật - Theo thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm - Nhóm các loại gia vị

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Acephate	mg/kg	0,2
2	Azinphos-Methyl	mg/kg	0,5
3	Bromide Ion	mg/kg	400

4	Dichlorvos	mg/kg	0,1
5	Disulfoton	mg/kg	0,05
6	Hydrogen Phosphide	mg/kg	0,01
7	Methamidophos	mg/kg	0,1
8	Permethrin	mg/kg	0,05
9	Vinclozolin	mg/kg	0,05

- Chỉ tiêu dinh dưỡng – Theo thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị ghi nhãn	Khoảng dao động
1	Năng lượng	Kcal/100g	185	131 – 239
2	Hàm lượng carbohydrat	g/100g	13,7	9,7 – 17,7
3	Hàm lượng chất béo	g/100g	13,6	9,6 – 17,6
4	Hàm lượng chất đạm	g/100g	1,9	1,3 – 2,5
5	Hàm lượng đường tổng số	g/100g	12,8	9,1 – 16,5
6	Hàm lượng chất béo bão hòa	g/100g	5,6	4,0 – 7,2
7	Hàm lượng Natri	mg/100g	1837	1304 – 2370

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP: Về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Thông Tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm..

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



ĐẶNG THỊ MỸ CẨM

MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Thành phần: Chiết xuất củ quả tươi (Ớt tươi 30%, tỏi, riềng, hành tím), dầu nành, đường, muối i-ốt, chất ổn định (1422, 415), chất điều vị (621), **tôm khô** (2,3%), nước, màu tổng hợp (carmen nguyên chất), chất điều chỉnh độ acid (296, 330), màu tự nhiên (paprika oleoresin), oleoresin capsicum, chất bảo quản (202), hương liệu tự nhiên, chất chống oxy hóa (307b).
Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chấm trực tiếp, ăn cùng các loại nước chấm, lẩu, hủ tiếu..., hay ướp nấu & nướng đều ngon.

Thông tin cảnh báo: Đóng kín nắp, giữ lạnh sau khi mở nắp 2 tháng.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin đi ửng: Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ tôm, đậu nành.

Lưu ý: Hiện tượng đóng đặc dầu là hiện tượng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g

Năng lượng	185 (Kcal)	Chất đạm	1,9 (g)	Đường tổng số	12,8 (g)	Natri	1837 (mg)
Carbohydrat	13,7 (g)	Chất béo	13,6 (g)	Chất béo bão hòa	5,6 (g)		

Ớt tươi, tôm thật

SA TẾ TÔM

Sìu ngen

Hũ Lớn 100 g

Mới

Hình ảnh mang tính chỉ minh họa cho sản phẩm

Khối lượng tịnh: 100 g
1900 55 88 56
barona.vn
ISO 22000 - ISO 9001 - ISO 14001 - ISO 45001
Sản xuất bởi:
CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N
124 Lê Lai, P.3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Nhà máy: Lô C6-3HH, Đường N9, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phân phối bởi:
CÔNG TY TNHH INTERNATIONAL FOOD MASTER
Lô C2-3, Đường D2, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
NSX:
HSD:

Sản xuất tại Việt Nam

CHẤM TRỰC TIẾP VỚI KEM LUY UỚP NƯỚNG ĐỀU NGON
GIAM ĐOC



Đặng Thị Mỹ Cẩm



Report N°: 0000647162

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: August 26, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 26/08/2024

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2408A-2654

Đơn hàng: 2408A-2654

CLIENT'S NAME : **NAM PHUONG V.N CO., LTD**
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

CLIENT'S ADDRESS : **124 LE LAI STREET, WARD 3, GO VAP DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM**
Địa chỉ : 124 LÊ LAI, PHƯỜNG 3, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : **Sa tế tôm siêu ngon – Barona**
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Food (approx. gr. wt. 0.6kg) in 05 plastic containers**
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.6kg bao gồm bao bì) chứa trong 05 vật chứa bằng nhựa

Sample ID : **2408A-2654.001**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : **August 19, 2024**
Ngày nhận mẫu : 19/08/2024

Testing period : **August 19, 2024 - August 24, 2024**
Thời gian thử nghiệm : 19/08/2024 - 24/08/2024

Test(s) requested : **As applicant's requirement**
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : **Please refer to the next page(s)**
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

Report N°: 0000647162

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Crude protein Đạm thô	ISO 1871: 2009	1.83	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
2. Carbohydrate (not including dietary fiber) Carbohydrat (không bao gồm xơ)	AOAC 2020.07	13.89	0.05	0.18	g/100g	
3. Energy - Viet Nam (VN) market Năng lượng - Thị trường Việt Nam	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(Δ)	198	-	-	kcal/100g	
4. Total sugars (as sucrose) Đường tổng (quy về sucroza)	LFOD-TST-SOP-8126 (Luff-Schoorl method)	12.89	0.15	0.5	g/100g	
5. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	14.9738	0.0001	0.0003	g/100g	
6. Saturated fatty acids (SFA) Hàm lượng axit béo bão hòa (SFA)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	6.1559	0.0001	0.0003	g/100g	
7. Sodium (Na) Natri	AOAC 2011.14	1859	0.5	1	mg/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO - Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t:(84-28) 3935 1920 f:(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000647162

Page N° 3/4

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100 mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000647162

Page N° 4/4

PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 08 Jun, 2022

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00122265
Mã số kết quả : AR-24-VD-125678-01-VI / EUVNHC-00287182



Công Ty TNHH Nam Phương V.N
124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : SA TẾ TÔM SIÊU NGON - BARONA
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hũ nhựa
Ngày nhận mẫu : 19/08/2024
Thời gian thử nghiệm : 20/08/2024 - 26/08/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 26/08/2024
Mã số PO của khách hàng : PR9K2408190851
Mã số mẫu Eol : 005-32410-319105



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD1YQ VD <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	cfu/ g	EVN-R-RD-3-TP-5725 (Ref. TCVN 5648:1992)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 26/08/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 26/08/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00127758
Mã số kết quả : AR-23-VD-130710-01-VI / EUVNHC-00235371



Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Sa tế tôm siêu ngon – Barona
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 04/10/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/10/2023 - 06/10/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 09/10/2023
Mã số PO của khách hàng : XJ8V231004378

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
2	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
3	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.19
4	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00127759
Mã số kết quả : AR-23-VD-130711-01-VI / EUVNHC-00235371



Công Ty TNHH Nam Phương V.N
124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Sa tế tôm siêu ngon – Barona
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 04/10/2023
Thời gian thử nghiệm : 05/10/2023 - 07/10/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 09/10/2023
Mã số PO của khách hàng : XJ8V231004378

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)
2	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
3	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00127761
 Mã số kết quả : AR-23-VD-130861-01-VI / EUVNHC-00235371


Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
 TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Sa tế tôm siêu ngon – Barona
 Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
 Ngày nhận mẫu : 04/10/2023
 Thời gian thử nghiệm : 05/10/2023 - 09/10/2023
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 09/10/2023
 Mã số PO của khách hàng : XJ8V231004378



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD2YA VD Bromide	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3658	9.29
2	VDFU0 VD (a) Hydrogen phosphide (PH ₃)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5205	Không phát hiện (LOD=0.003)
3	VD2PP VD (a) Acephat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD2U4 VD (a) Dichlorvos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
6	VD2QA VD (a) Disulfoton	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
7	VD2RS VD (a) Methamidophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
8	VD2R0 VD (a) Permethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
9	VD2UI VD (a) Vinclozolin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 10/10/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 10/10/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.